

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Tuần 07: Từ 15/09 Đến 21/09/2025

LỚP			10A1_CK	10A2_CK	63CDC1	63CDC2	63CDB1	63CBL1	63CBT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TBC1	63TBC1A	63TBC2	63TBC3	63TBC4_YL															
THỨ	BUỔI	TIẾT																																		
Thứ 2 15/09	Sáng	1	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (HS.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thanh Thủy (HS.402)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Hồng Yên (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Trang bị điện năng cao Đoàn Mạnh Hà (X23.208_Phòng học PLC)		PLC nâng cao Lê Kiên Cường (X22.203)	Tiếng anh nâng cao Trần Thu Hương (X22.301.LTCM)	Phạm Chúc Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Kế toán doanh nghiệp IV Lương Thị Hương (HS.208)	Bản hàng Trần Việt Anh (I)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Thu Hương (HS.107_CNTT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306.01 PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HOÀ-NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÂN H TANG 3)						HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (HS.401)	HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (HS.401)															
		2																																		
		3	Ngôi văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (HS.406)	Ngôi văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (HS.402)																		Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.401)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (HS.401)													
		4	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (HS.406)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (HS.402)																				Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.401)	Vật lí 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.401)											
		5																																		
	Chiều	6	Năng lượng tái tạo Nguyễn Duy Thành (X23.204_Phòng học KH nhén + Thủy lực)	Tiếng anh nâng cao Trần Văn Dũng (X23.302.LTCM)			Tiếng anh nâng cao Hà Ngọc Tân (X10.204_PhLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp IV Lương Thị Hương (HS.206_Khoa SP-KT)	Bản hàng Trần Việt Anh (HS.106_Khoa SP-KT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Trần Huỳnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂN H TANG 3)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (HS.107_CNTT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂN H TANG 3)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (HS.404)	Toán 3 Hà Thị Duyên (HS.103)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.401)	Điều khiển điện - khí nhén Lê Văn Ba (I)																				
		7																																		
		8																																		
		9																																		
		10																																		
Thứ 3 16/09	Sáng	1	Ngôi văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (HS.406)	CCD Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (HS.402)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Hồng Yên (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Trang bị điện năng cao Đoàn Mạnh Hà (X23.208_Phòng học PLC)		PLC nâng cao Lê Kiên Cường (X22.203)	Tiếng anh nâng cao Trần Thu Hương (X22.301.LTCM)	Phạm Chúc Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Bản hàng Trần Việt Anh (HS.207)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Thu Hương (HS.107_CNTT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306.01 PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HOÀ-NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÂN H TANG 3)					Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.401)																
		2		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hải (HS.402)																																
		3	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (HS.406)	Công nghệ 10_1 Phạm Thanh Đạt (HS.406)																	Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Xuân (HS.402)	Tiếng anh nâng cao Trần Văn Dũng (X23.302.LTCM)									Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (HS.404)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (HS.404)	CCD Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (HS.401)	CCD Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (HS.401)		
		4																																		
		5																																		
	Chiều	6	Lập trình Web với PHP và MySQL Kim Thị Thu Trang (HS.209.TH Tin học)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (HS.107_CNTT)					Bản hàng Trần Việt Anh (HS.106_Khoa SP-KT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Trần Huỳnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂN H TANG 3)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (HS.107_CNTT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂN H TANG 3)	Lập trình Web với PHP và MySQL Kim Thị Thu Trang (HS.209.TH Tin học)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (HS.404)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (HS.404)	Vật lí 3 Nguyễn Thị Vân (HS.103)	Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (HS.401)	Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (HS.401)	Điều khiển điện - khí nhén Lê Văn Ba (I)																	
		7																																		
		8																																		
		9																																		
		10																																		
Thứ 4 17/09	Sáng	1	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thủy (HS.406)	Ngôi văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (HS.402)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Hồng Yên (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Trang bị điện năng cao Đoàn Mạnh Hà (X23.208_Phòng học PLC)		PLC nâng cao Lê Kiên Cường (X22.203)	Tiếng anh nâng cao Trần Thu Hương (X22.301.LTCM)	Phạm Chúc Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Phần tích hoạt động kinh doanh Trần Huy Cường (I)		Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Thu Hương (HS.107_CNTT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306.01 PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HOÀ-NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÂN H TANG 3)					Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (HS.401)	Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (HS.401)																
		2	CCD Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thủy (HS.406)																																	
		3	CCD Ngôi văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (HS.406)	CCD Ngôi văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (HS.402)																	Toán 10_1 Kim Thành Nam (HS.402)	Tự động hóa điện tòa nhà Nguyễn Bá Thanh (X23.204_Phòng học KH nhén + Thủy lực)	Tiếng anh nâng cao Trần Văn Dũng (X23.302.LTCM)									Vật lí 12_1 Nguyễn Văn Văn (HS.404)	Ngôi văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (HS.401)	Ngôi văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (HS.401)		
		4	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (HS.406)	Toán 10_1 Kim Thành Nam (HS.402)																															Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thủy (HS.401)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thủy (HS.401)
		5																																		
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Trần Huỳnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂN H TANG 3)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (HS.107_CNTT)					Bản hàng Trần Việt Anh (HS.106_Khoa SP-KT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Trần Huỳnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂN H TANG 3)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (HS.107_CNTT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂN H TANG 3)	Vật lí 12_1 Nguyễn Văn Văn (HS.404)	Ngôi văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (HS.404)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (HS.404)	Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (HS.401)	Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (HS.401)	Điều khiển điện - khí nhén Lê Văn Ba (I)																		
		7																																		
		8																																		
		9																																		
		10																																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026																					
Tuần 07: Từ 15/09 Đến 21/09/2025																					
LỚP			63TDC6_YL	63TDC6_YL	63TDC7_YL	63TDC8_BX	63TDC9_BX	63TDH1_YL	63TDH2_YL	63TDL1	63TDL1A	63TDL2	63TD11	63TD12	63TD13_VT	63TD14_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1
Thứ	Buổi	Tiết																			
Thứ 2 15/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Điều khiển đèn - khi nén Cao Thị Thu ()	Điều khiển đèn - khi nén Nguyễn Văn Tinh ()	Điều khiển đèn - khi nén Hoàng Văn Hùng ()					Toán 3 Hà Thị Duyên (HS.103)							CCD Vật lý 12_1 Nguyễn Thị Vân (HS.404)	Toán 3 Nguyễn Tấn Hiền (HS.101)	Toán 3 Nguyễn Tấn Hiền (HS.101)	Hóa học 12_1 Trần Thị Hằng (HS.301)	
		7														Lịch số 12_1 Lê Thị Quyên (HS.404)					
		8														CCD Lịch số 12_1 Lê Thị Quyên (HS.404)					
		9														CCD Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (HS.404)					
		10																			HDTNHN Lê Thị Quyên (HS.404)
Thứ 3 16/09	Sáng	1																			Tin 12_1 Quách Thu Thảo (HS.202)
		2																			
		3																			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (HS.202)
		4																			
		5																			Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (HS.202)
	Chiều	6	Điều khiển đèn - khi nén Cao Thị Thu ()	Điều khiển đèn - khi nén Nguyễn Văn Tinh ()	Điều khiển đèn - khi nén Hoàng Văn Hùng ()					Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (HS.103)								Lịch số 12_1 Lê Thị Quyên (HS.404)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (HS.101)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (HS.101)	
		7															Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (HS.404)				
		8																			
		9																Ngô văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (HS.404)			
		10																			
Thứ 4 17/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Điều khiển đèn - khi nén Cao Thị Thu ()	Điều khiển đèn - khi nén Nguyễn Văn Tinh ()	Điều khiển đèn - khi nén Hoàng Văn Hùng ()					Ngô Văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (HS.103)								Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (HS.404)	Ngô Văn 3 Nguyễn Thủy Ngọc (HS.101)	Ngô Văn 3 Nguyễn Thủy Ngọc (HS.101)	Định lí 12_1 Đương Thị Hằng (HS.301)
		7														Ngô văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (HS.404)					
		8														Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Hương (HS.404)					
		9														Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (HS.404)					
		10																Hóa học 12_1 Nguyễn Thị Tuyền (HS.404)			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026																							
Tuần 07: Từ 15/09 Đến 21/09/2025																							
LỚP			63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3		
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 15/09	Sáng	1	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (HS.302)	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (HS.302)				HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thủy (HS.201)					HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (HS.203)	Kira: Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi -1-1-2025(NQ3) Lê Hoàng (HS.204.TH KHOA TIN)	HĐTNHN Nguyễn Thị Hợp (HS.203)	Lưu Yên Ngọc (HS.303)	HĐTNHN Lưu Yên Ngọc (HS.303)			HĐTNHN Lê Thị Tô Quỳnh (HS.306)	HĐTNHN Lê Thị Tô Quỳnh (HS.306)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Trần Hành (X11.302, Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TANG 3)	
		2	Hoà học 12_1 Nguyễn Thu Trang (HS.302)	Hoà học 12_1 Nguyễn Thu Trang (HS.302)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (HS.201)				Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (HS.203)			Tin 12_1 Phan Hoàng Lan (HS.203)	CCĐ Lịch số 12_1 Lưu Yên Ngọc (HS.303)	CCĐ Lịch số 12_1 Lưu Yên Ngọc (HS.303)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tô Quỳnh (HS.306)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tô Quỳnh (HS.306)		
		3													Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (HS.303)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (HS.303)			CCĐ Lịch số 12_1 Lê Thị Quỳnh (HS.306)	CCĐ Lịch số 12_1 Lê Thị Quỳnh (HS.306)			
		4	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (HS.302)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (HS.302)				Hoà học 12_1 Trần Thị Hằng (HS.201)				Vật lí 12_1 Chu Thị Tinh (HS.203)			Vật lí 12_1 Chu Thị Tinh (HS.203)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (HS.303)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (HS.303)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (HS.306)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (HS.306)		
		5																			Hoà học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (HS.306)		Hoà học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (HS.306)
	Chiều	6																				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (HS.402)	
		7																					
		8							Ngữ Văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (HS.102)				Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (HS.212_TH Tin Ứng dụng)		Quản trị mạng với Windows server Phùng Ngọc Hùng (HS.211_TH Tin Đại cương)	Quản trị mạng với Windows server Nguyễn Tuấn Hưng (HS.111_TH THCB)	Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Lê Sơn Thảo (HS.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306, 01 PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HOA NHỆT ĐỘ Ô TÔ + SÁNH TANG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Lê Ngọc Văn (X11.206 PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÂM MẮT+ SÁNH TANG 2)		
		9																			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (HS.402)		
		10																			HĐTNHN Nguyễn Thị Thanh Thủy (HS.402)		
Thứ 3 16/09	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (HS.302)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (HS.302)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (HS.201)					Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (HS.203)	Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (HS.212_TH Tin Ứng dụng)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (HS.203)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (HS.303)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (HS.303)			Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hân (HS.306)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hân (HS.306)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Trần Hành (X11.302, Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TANG 3)	
		2						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thu Phương Nhung (HS.201)															
		3	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (HS.302)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (HS.302)				Tin 12_1 Quỳnh Thu Thảo (HS.201)				CCĐ Lịch số 12_1 Lê Thị Quỳnh (HS.203)			CCĐ Lịch số 12_1 Lê Thị Quỳnh (HS.203)		Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (HS.303)	Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (HS.303)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hân (HS.306)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hân (HS.306)
		4						Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (HS.201)															
		5	CCĐ Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (HS.302)	CCĐ Hóa học 12_1 Nguyễn Thu Trang (HS.302)				Tin 12_1 Quỳnh Thu Thảo (HS.201)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tô Quỳnh (HS.203)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tô Quỳnh (HS.203)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (HS.303)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (HS.303)			Lịch số 12_1 Lê Thị Quỳnh (HS.306)		Lịch số 12_1 Lê Thị Quỳnh (HS.306)
	Chiều	6																				Hoà học 12_1 Nguyễn Thị Tuyên (HS.402)	
		7																					
		8							Ngữ Văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (HS.102)				Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (HS.212_TH Tin Ứng dụng)		Quản trị mạng với Windows server Nguyễn Tuấn Hưng (HS.111_TH THCB)		Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Lê Sơn Thảo (HS.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306, 01 PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HOA NHỆT ĐỘ Ô TÔ + SÁNH TANG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Lê Ngọc Văn (X11.206 PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÂM MẮT+ SÁNH TANG 2)		Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (HS.402)
		9																			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (HS.402)		
		10																			Toán 12_1 Kim Thành Nam (HS.402)		
Thứ 4 17/09	Sáng	1	Địa lí 12_1 Dương Thị Hằng (HS.302)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hằng (HS.302)				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (HS.201)					Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tô Quỳnh (HS.203)	Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (HS.212_TH Tin Ứng dụng)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tô Quỳnh (HS.203)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tô Quỳnh (HS.203)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (HS.303)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (HS.303)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (HS.306)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (HS.306)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Trần Hành (X11.302, Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TANG 3)
		2						Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (HS.201)															
		3	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (HS.302)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (HS.302)								Lịch số 12_1 Lê Thị Quỳnh (HS.203)			Lịch số 12_1 Lê Thị Quỳnh (HS.203)		CCĐ Vật lý 12_1 Nguyễn Chí Thành (HS.303)	CCĐ Vật lí 12_1 Nguyễn Chí Thành (HS.303)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tô Quỳnh (HS.306)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tô Quỳnh (HS.306)	
		4																			Hoà học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (HS.306)	Hoà học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (HS.306)	
		5	Lịch số 12_1 Lưu Yên Ngọc (HS.302)	Lịch số 12_1 Lưu Yên Ngọc (HS.302)				Lịch số 12_1 Lê Thị Quỳnh (HS.201)				Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (HS.203)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (HS.203)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (HS.303)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (HS.303)			Địa lí 12_1 Dương Thị Hằng (HS.306)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hằng (HS.306)	
	Chiều	6																				Lịch số 12_1 Lưu Thị Thuý (HS.402)	
		7																					
		8							Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (HS.102)				Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (HS.204.TH KHOA TIN)		Kira: Quản trị mạng với Windows server-1-1-2025(NQ3) Phùng Ngọc Hùng (HS.211_TH Tin Đại cương)		Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (HS.212_TH Tin Ứng dụng)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306, 01 PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HOA NHỆT ĐỘ Ô TÔ + SÁNH TANG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Lê Ngọc Văn (X11.206 PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÂM MẮT+ SÁNH TANG 2)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (HS.402)		
		9																					
		10																			Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (HS.402)		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026																																																																									
Tuần 07: Từ 15/09 Đến 21/09/2025																																																																									
LỚP			64TDC1	64TDC2	64TDC3_YL	64TDC4_YL	64TDH1	64TDH2_YL	64TDL1	64TDL1A	64TDP1	64TDT1	64TDT2	64TOK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLD1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1																																																				
Thứ	Buổi	Tiết																																																																							
Thứ 2 15/09	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh (X23.204 Phòng học Khi nên + Thuyết học)	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Duy Thanh (X23.305 Phòng học Rô bốt Công nghiệp)			Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Kỹ thuật lắp cơ bản Bùi Công Kết (X22.307)			Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ (X22.107.LTCM)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)		Soạn thảo văn bản Trần Văn Hò (H3.205_Khoa SP-KT)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP-KT)			Thuế Trần Huy Quảng (H3.105_Khoa SP-KT)																																																						
		2																																																																							
		3																																																																							
		4																																																																							
		5																																																																							
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)	Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Tách: Điện tử cơ bản-1-1-2025(N03) Nguyễn Thị Hương (...) Điện tử cơ bản-1-1-2025(N04) Hoàng Văn Quân (...)	Tách: Thiết bị điện gia dụng-1-1-2025(N05) Phan Thị Lý (...) Thiết bị điện gia dụng-1-1-2025(N06) Ng Hồng Thao (...)	Toán 11_1 Nguyễn Thu Huyền (H5.307)	Tách: Kỹ thuật cảm biến-1-1-2025(N02) Phạm Quang Thắng (...) Kỹ thuật cảm biến-1-1-2025(N03) Trần Thị Thơm (...)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	COD Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Hóa học 11_1 Trình Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.307)			Lịch sử 11_1 Lưu Yên Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yên Ngọc (H5.303)																																																					
		7	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)																		COD Vật lý 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)						Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.303)																																													
		8																											HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)			HĐTNHN Nguyễn Thụy Ngọc (H5.307)			HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.304)	HĐTNHN Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		HĐTNHN Trình Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Nguyễn Thụy Ngọc (H5.307)			HĐTNHN Lưu Yên Ngọc (H5.303)	HĐTNHN Lưu Yên Ngọc (H5.303)																												
		9																																																																							
		10																																																																							

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Tuần 07: Từ 15/09 Đến 21/09/2025

LỚP			64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65LCCT1	65LCDC1	65LCDC2	65LCDB1	65LCDB2	65LCDBT1	
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 15/09	Sáng	1	Lắp ráp và cài đặt máy tính Ta Văn Khoa (H3.110_TH THCB)																		
		2																			
		3						Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Đống cơ + SÁNH TĂNG 2)			Soạn thảo văn bản đến từ Ta Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Soạn thảo văn bản đến từ Kim Thị Thương (H3.208_TH Tin học)								
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)		Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)	Vật lý 11_1 Chu Thị Trinh (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Trinh (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hóp (H5.304)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Hà (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								
		7		Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.203)		Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hóp (H5.304)														
		8	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)		CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Trinh (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Trinh (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.304)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)								
		9	HĐTNHN Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)		HĐTNHN Nguyễn Thu Trang (H5.401)	HĐTNHN Nguyễn Thị Hóp (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Hóp (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	HĐTNHN Tiền Thị Hằng (H5.304)	HĐTNHN Nguyễn Thị Hà (H5.202)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐTNHN Chu Thị Trinh (H5.403)	HĐTNHN Chu Thị Trinh (H5.403)								
		10																			
Thứ 3 16/09	Sáng	1	Ktra: Lắp trình căn bản 1-1-2025(N03) Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)																		
		2																			
		3			Ktra: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2025(N05) Phùng Ngọc Hùng (H2.110_TH THCB)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Đống cơ + SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng 1; Khoa CH Ô tô + SÁNH TĂNG 3)		Soạn thảo văn bản đến từ Ta Ngọc Dũng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH THCB)	Soạn thảo văn bản đến từ Kim Thị Thương (H3.208_TH Tin học)									
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ktra: Lắp trình căn bản 1-1-2025(N01) Phùng Thị Minh Phương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.401)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)	Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hân (H5.403)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hân (H5.403)								
		7																			
		8	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)			CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Chí Thành (H5.401)		CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.403)								
		9	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)					Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hóp (H5.406)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hóp (H5.304)		Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)							
		10	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hân (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hân (H5.203)	Công nghệ 11_1 Hỗ Sĩ Khương (H5.406)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)										
Thứ 4 17/09	Sáng	1	Lắp ráp và cài đặt máy tính Ta Văn Khoa (H3.110_TH THCB)																		
		2																			
		3			Photshop Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Ta Ngọc Dũng (H2.301_TH LR Máy tính)	Lắp trình căn bản Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Đống cơ + SÁNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng 1; Khoa CH Ô tô + SÁNH TĂNG 3)		Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)	Soạn thảo văn bản đến từ Kim Thị Thương (H3.208_TH Tin học)	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)								
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyền (H5.201)	Photshop Phùng Thị Minh Phương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Công nghệ 11_1 Hỗ Sĩ Khương (H5.401)		Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hân (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hân (H5.203)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.304)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hóp (H5.306)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Trinh (H5.403)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Trinh (H5.403)							
		7				CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hóp (H5.203)	CCĐ Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hóp (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Trinh (H5.406)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hân (H5.304)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hân (H5.403)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hân (H5.403)								
		8	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)			Địa lý 11_1 Dương Thị Hằng (H5.401)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hân (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Hân (H5.203)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.304)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.202)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hân (H5.403)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hân (H5.403)							
		9	CCĐ Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.201)				Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Trinh (H5.406)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hóp (H5.306)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)							
		10	Công nghệ 11_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	Vật lý 11_1 Chu Thị Trinh (H5.203)	Vật lý 11_1 Chu Thị Trinh (H5.203)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)						

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 07: Từ 15/09 Đến 21/09/2025

			LỚP			6STDH1	6STD1.1	6STD01	6STD01.1	6STD02	6STD02.1	6STD01.2	6STD02.2	6STD01.3	6STD02.3	6STD01.4	6STD02.4	6STD01.5	6STD02.5	6STD01.6	6STD02.6	
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 15/09	Sáng	1	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thụy Ngọc (HS.307)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (HS.301)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (HS.107)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (HS.103)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Tuyền (HS.106)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thủy (HS.407)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hạnh (HS.104)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Tuyền (HS.106)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (HS.102)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (HS.404)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (HS.301)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (HS.103)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hạnh (HS.104)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (HS.404)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (HS.204)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (HS.304)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thụy Ngọc (HS.307)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Hà Thị Duyên (HS.101)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tĩnh (HS.403)	
		2																				
		3	Tiên 10_1 Nguyễn Thị Thu Hằng (HS.307)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (HS.301)	Công nghệ 10_1 Trần Thị Bích Hải (HS.107)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (HS.103)	CCD Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thủy (HS.106)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tô Quyên (HS.407)	Văn lý 10_1 Nguyễn Thị Văn (HS.104)	CCD Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thủy (HS.106)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (HS.102)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (HS.404)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (HS.301)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (HS.103)	Văn lý 10_1 Nguyễn Thị Văn (HS.104)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (HS.404)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (HS.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (HS.304)	Tiên 10_1 Nguyễn Thị Thu Hằng (HS.307)	Tiên 10_1 Hà Thị Duyên (HS.101)	Văn lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (HS.403)	
		4	CCD Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (HS.307)																			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (HS.102)
		5	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (HS.307)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (HS.303)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (HS.107)	Tiên 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (HS.106)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thủy (HS.407)														
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 3 16/09	Sáng	1	Địa lý 10_1 Dương Thị Hằng (HS.307)	CCD Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (HS.301)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (HS.107)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Hương (HS.103)	Văn lý 10_1 Nguyễn Chi Thành (HS.106)	Tiên 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (HS.407)	Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (HS.104)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (HS.102)	CCD Văn lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (HS.404)	CCD Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (HS.301)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (HS.103)	Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (HS.104)	CCD Văn lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (HS.404)	Hóa học 10_1 Nguyễn Văn Bảy (HS.103)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tô Quyên (HS.204)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Xuân (HS.104)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hằng (HS.307)	Ngữ văn 10_1 Ta Thị Bích Hồng (HS.101)	Công nghệ 10_1 Phạm Thanh Đạt (HS.403)	
		2																				Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (HS.301)
		3	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (HS.307)	Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (HS.107)	CCD Tiên 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.103)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (HS.106)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tô Quyên (HS.407)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Thị Ngọc Xuân (HS.104)	Tiên 10_1 Nguyễn Văn Trường (HS.102)	Công nghệ 10_1 Phạm Thanh Đạt (HS.404)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (HS.301)	CCD Tiên 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.103)	Công nghệ 10_1 Phạm Thanh Đạt (HS.404)	Tiên 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (HS.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (HS.304)	Tiên 10_1 Nguyễn Thị Thu Hằng (HS.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (HS.101)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hằng (HS.403)				
		4	Tiên 10_1 Nguyễn Thị Thu Hằng (HS.307)	Tiên 10_1 Nguyễn Văn Trường (HS.301)	Tiên 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.107)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (HS.103)	CCD Tiên 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (HS.106)	Văn lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (HS.407)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (HS.104)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (HS.102)	Trần Thị Thanh Hòa (HS.404)	Tiên 10_1 Nguyễn Văn Trường (HS.301)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (HS.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (HS.104)	Trần Thị Thanh Hòa (HS.404)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (HS.204)	CCD Lịch sử 10_1 Nguyễn Thị Hoàn (HS.304)					
		5			CCD Tiên 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.107)		Tiên 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (HS.106)															
	Chiều	6																				
		7																				
		8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang, Nguyễn Thành Đông, Nguyễn Tiến Sỹ ()					Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang, Nguyễn Thành Đông, Nguyễn Tiến Sỹ ()				Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang, Nguyễn Thành Đông, Nguyễn Tiến Sỹ ()				Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang, Nguyễn Thành Đông, Nguyễn Tiến Sỹ ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang, Nguyễn Thành Đông, Nguyễn Tiến Sỹ ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang, Nguyễn Thành Đông, Nguyễn Tiến Sỹ ()		
		9																				
		10																				
Thứ 4 17/09	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thụy Ngọc (HS.307)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (HS.301)	Văn lý 10_1 Nguyễn Chi Thành (HS.107)	CCD Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (HS.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (HS.106)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (HS.407)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (HS.104)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (HS.106)	CCD Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (HS.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (HS.404)	Văn lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (HS.404)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyền (HS.404)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (HS.301)	CCD Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (HS.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (HS.104)	Cộng nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (HS.304)	Tiên 10_1 Nguyễn Văn Trường (HS.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thụy Ngọc (HS.307)	Tiên 10_1 Hà Thị Duyên (HS.101)	Văn lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (HS.403)
		2																				
		3		Cộng nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (HS.301)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hòa (HS.107)	Địa lý 10_1 Trần Thị Bích Hải (HS.107)	Tiên 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.103)	Tiên 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (HS.106)	CCD Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (HS.407)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (HS.104)	Tiên 10_1 Hà Thị Duyên (HS.104)	CCD Tiên 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (HS.404)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (HS.106)	CCD Tiên 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (HS.404)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (HS.102)	Tiên 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (HS.103)	Tiên 10_1 Hà Thị Duyên (HS.104)	Cộng nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (HS.204)	Tiên 10_1 Nguyễn Thị Kim Thủy (HS.404)	Cộng nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (HS.307)	Cộng nghệ 10_1 Nguyễn Thu Trang (HS.101)	
		4	Văn lý 10_1 Nguyễn Chi Thành (HS.307)																			Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (HS.204)
		5	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (HS.307)	Tiên 10_1 Nguyễn Văn Trường (HS.301)	Tiên 10_1 Nguyễn Quốc Khánh (HS.107)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (HS.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (HS.106)	CCD Văn lý 10_1 Chu Thị Tĩnh (HS.407)	CCD Tiên 10_1 Hà Thị Duyên (HS.104)													
	Chiều	6																				
		7																				
		8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang, Nguyễn Thành Đông, Nguyễn Tiến Sỹ ()					Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang, Nguyễn Thành Đông, Nguyễn Tiến Sỹ ()				Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang, Nguyễn Thành Đông, Nguyễn Tiến Sỹ ()				Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang, Nguyễn Thành Đông, Nguyễn Tiến Sỹ ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang, Nguyễn Thành Đông, Nguyễn Tiến Sỹ ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang, Nguyễn Thành Đông, Nguyễn Tiến Sỹ ()		
		9																				
		10																				

